

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 262/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035; Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 344/KH-UBND ngày 28/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030, Sở Y tế xây dựng Kế hoạch Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Bảo đảm mọi người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh từ sớm, từ xa, ngay tại cơ sở, hạn chế bệnh tật; gia tăng tỷ lệ sinh, phân đầu tỷ số giới tính khi sinh đạt mức cân bằng giới tính khi sinh, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số; tăng cường chăm sóc cho các nhóm dễ bị tổn thương; góp phần nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Góp phần thực hiện mục tiêu tỷ lệ xã, phường, đặc khu đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là trên 90%.

b) Phân đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử và quản lý sức khỏe theo vòng đời đạt 100%.

c) Phân đầu Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) đủ năng lực xét nghiệm tác nhân, kháng nguyên, kháng thể các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, chất lượng nước sạch, vệ sinh trường học theo quy định của Bộ Y tế đạt 100%.

d) Tỷ lệ Trạm Y tế xã, phường, đặc khu triển khai thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm theo hướng dẫn của Bộ Y tế đạt 100%.

d) Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 8,7%.

e) Phân đầu tỷ suất sinh thô đến năm 2030 tăng thêm 0,5‰ so với năm 2025.

g) Phân đầu tỷ số giới tính khi sinh giảm xuống dưới 109 bé trai sinh ra sống so với 100 bé gái sinh ra sống.

h) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; phụ nữ mang thai được khám sàng lọc trước sinh ít nhất 4 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%; trẻ sơ sinh được khám sàng lọc sơ sinh ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90%.

i) Phân đầu trên 70% người có hoàn cảnh khó khăn được cung cấp dịch vụ xã hội phù hợp với nhu cầu.

II. PHẠM VI, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Các đơn vị y tế và các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các xã, phường, đặc khu có thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số - miền núi.

2. Lộ trình thực hiện Chương trình: Chương trình được thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến hết năm 2030. Lộ trình thực hiện

- Năm 2026: Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, xây dựng dự toán, triển khai các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

- Năm 2026-2029: Tổ chức thực hiện Chương trình.

+ Năm 2028: Tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá giữa kỳ Chương trình.

+ Năm 2029: Đẩy mạnh triển khai Chương trình. Tổ chức đánh giá cuối kỳ, đề ra các giải pháp tiến tới hoàn thiện các chỉ tiêu.

- Năm 2030: Tổ chức hoàn thiện các dự án, tiểu dự án. Tổng hợp, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030, đề xuất Chương trình giai đoạn 2031-2035.

III. CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở

1.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị cho y tế cơ sở.

1.2. Tiểu dự án 2: Đào tạo bác sĩ chuyên khoa cho y tế cơ sở.

1.3. Tiểu dự án 3: Đổi mới hoạt động, cung ứng dịch vụ tại y tế cơ sở.

1.4. Tiểu dự án 4: Chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi và tư vấn sức khỏe toàn diện.

2. Dự án 2: Nâng cao hiệu quả hệ thống phòng bệnh và nâng cao sức khỏe

2.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư thiết bị cho hệ thống phòng bệnh và nâng cao sức khỏe tại tuyến tỉnh.

2.2. Tiểu dự án 2: Phòng, chống chủ động dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm

2.3. Tiểu dự án 3: Phòng, chống bệnh không lây nhiễm; bệnh tật phổ biến lứa tuổi học đường và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý.

3. Dự án 3: Dân số và phát triển

3.1. Tiểu dự án 1: Khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con.

3.2. Tiểu dự án 2: Thu hẹp khoảng cách mất cân bằng giới tính khi sinh.

3.3. Tiểu dự án 3: Nâng cao chất lượng dân số góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

3.4. Tiểu dự án 4: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

3.5. Tiểu dự án 5: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

4. Dự án 4: Nâng cao chất lượng chăm sóc xã hội cho người dễ bị tổn thương

4.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực mạng lưới chăm sóc xã hội toàn diện

4.2. Tiểu dự án 2: Bảo vệ, chăm sóc phát triển cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; trẻ em là nạn nhân, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, trẻ em bị xâm hại cần được hỗ trợ khẩn cấp.

5. Dự án 5: Truyền thông y tế, quản lý, theo dõi và giám sát thực hiện Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Truyền thông - giáo dục sức khỏe

5.2. Tiểu dự án 2. Truyền thông dân số

5.3. Tiểu dự án 3: Giám sát, đánh giá Chương trình

(Mục tiêu, đối tượng, nội dung hoạt động và cơ quan, đơn vị thực hiện của từng Dự án, Tiểu dự án chi tiết tại phụ lục đính kèm)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

- Ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, bảo đảm bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương.

- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, đề án và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân và các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

2. Nguyên tắc bố trí và sử dụng kinh phí:

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan.

- Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị xây dựng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

- Việc quản lý, phân bổ và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình phải bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung và nhiệm vụ của Chương trình; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách hằng năm; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lặp; thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan.

- Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình; tăng cường lồng ghép với các chương trình, dự án, đề án có liên quan nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, tránh chồng chéo, trùng lặp.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về chỉ đạo, điều hành

- Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; cụ thể hóa thành các kế hoạch, hướng dẫn chuyên môn và văn bản chỉ đạo của ngành y tế để triển khai thống nhất trên toàn tỉnh bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn của tỉnh Quảng Ninh.

- Chủ động rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực y tế; đề xuất Bộ Y tế tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Kịp thời triển khai các hướng dẫn chuyên môn, quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, cơ chế tài chính và các quy định chuyên ngành đảm bảo thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị; đồng thời chủ động đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tăng cường hướng dẫn chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật đối với các đơn vị trực thuộc, Trạm Y tế xã, phường, đặc khu nhằm bảo đảm triển khai đồng bộ các dự án, tiểu dự án và các mô hình chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình với các chương trình, kế hoạch, đề án thuộc lĩnh vực y tế đang triển khai trên địa bàn tỉnh; ưu tiên bố trí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và các nhóm đối tượng ưu tiên; bảo đảm tiếp cận công bằng, thuận lợi đối với các dịch vụ y tế thiết yếu.

2. Giải pháp huy động và phát triển nguồn lực

- Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình, dự án, nguồn viện trợ, tài trợ, xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, công tác dân số và phát triển, chăm sóc xã hội; nâng cao năng lực hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

- Tăng cường lồng ghép nguồn lực giữa các chương trình, dự án, đề án; sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và hệ thống thông tin y tế nhằm tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn hằng năm nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ y tế; chú trọng đào tạo nhân lực y tế cơ sở, y tế dự phòng, công tác dân số, công tác xã hội và các lĩnh vực chuyên sâu đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình.

3. Giải pháp quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị trong tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đúng tiến độ.

- Phân công rõ trách nhiệm của các phòng chuyên môn thuộc Sở, các đơn vị trực thuộc; tăng cường phối hợp giữa các đơn vị trong ngành y tế và với các sở, ban, ngành, địa phương trong triển khai các dự án, tiểu dự án và hoạt động chuyên môn của Chương trình.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe; đa dạng hóa các hình thức truyền thông nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân về chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh, công tác dân số và phát triển; tăng cường ứng dụng truyền thông số và nền tảng số trong công tác truyền thông y tế; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng tích cực tham gia thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn chuyên môn, đánh giá tiến độ và chất lượng thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tại các đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, xử lý các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai. Bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, mục tiêu, chỉ tiêu và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

- Thực hiện nghiêm chế độ thống kê, báo cáo, sơ kết, tổng kết theo quy định; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tăng cường kết nối,

liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin y tế, bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Định kỳ trước ngày 25/11 hằng năm, các phòng chức năng, đơn vị được giao chủ trì thực hiện dự án, tiểu dự án báo cáo kết quả thực hiện gửi về Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế; Trường hợp có yêu cầu hoặc phát sinh các vấn đề đột xuất, các phòng chức năng, đơn vị được giao chủ trì thực hiện dự án, tiểu dự án thực hiện chế độ báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Y tế.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế

- Căn cứ nội dung kế hoạch ban hành, chủ động thực hiện/phối hợp thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của phòng và theo sự phân công của Lãnh đạo Sở.
- Chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và tham mưu Lãnh đạo Sở chỉ đạo triển khai các dự án, tiểu dự án và hoạt động được phân công phụ trách. Chủ động tổng hợp tình hình, báo cáo tiến độ, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực được phân công.

1.1. Phòng Nghiệp vụ Y

- Là đầu mối, phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế tham mưu cho Lãnh đạo Sở Y tế chỉ đạo, xây dựng Kế hoạch Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ. Là đơn vị thường trực, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình. Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm và giai đoạn.

- Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai các dự án, tiểu dự án và các hoạt động chuyên môn được Sở Y tế phân công. Hướng dẫn chuyên môn, đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho hệ thống y tế các cấp.

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh; kịp thời tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

1.2. Phòng Dân số và Phát triển

- Chủ trì, phối hợp với phòng Nghiệp vụ Y tham mưu cho Lãnh đạo Sở Y tế chỉ đạo, xây dựng Kế hoạch Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Dự án 3 (Dân số và phát triển) và phối hợp triển khai Dự án 5 về truyền thông dân số, các dự án, tiểu dự án và các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực dân số và phát triển. Hướng dẫn chuyên môn, đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho hệ thống y tế các cấp.

- Chủ trì tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Kế hoạch theo nhiệm vụ được phân công.

- Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch liên quan đến lĩnh vực dân số và phát triển; tham mưu báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan theo quy định.

1.3. Văn phòng Sở Y tế

- Chủ trì tham mưu công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; phối hợp thực hiện công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, luân chuyển và đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình.

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; phối hợp triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, các nền tảng số và kết nối, nền tảng khám chữa bệnh từ xa, liên thông dữ liệu y tế theo quy định.

- Phối hợp thực hiện công tác truyền thông, phổ biến nội dung Chương trình; đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Sở và các nền tảng truyền thông số.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn tham mưu Lãnh đạo Sở chỉ đạo, điều hành triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Lãnh đạo Sở.

1.4. Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em

- Chủ trì tham mưu triển khai các nội dung thuộc Dự án nâng cao chất lượng chăm sóc xã hội cho người dễ bị tổn thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hướng dẫn các đơn vị triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; chăm sóc người khuyết tật, người có hoàn cảnh đặc biệt; phối hợp triển khai mô hình chăm sóc dài hạn tại cộng đồng.

- Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và chính quyền địa phương triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, chăm sóc xã hội và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Chủ trì hoặc phối hợp kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách.

1.5. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì tham mưu xây dựng dự toán kinh phí hằng năm; tổng hợp nhu cầu đầu tư, mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất và các nguồn lực thực hiện Chương trình.

- Hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định; phối hợp tham mưu huy động, lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp.

- Chủ trì tham mưu đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế theo phân cấp; hướng dẫn các đơn vị triển khai các nội dung thuộc các Tiểu dự án đầu tư.

- Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản; bảo đảm sử dụng hiệu quả, đúng mục tiêu, đúng quy định của Chương trình.

2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

- Là đầu mối triển khai các hoạt động chuyên môn về y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, dinh dưỡng, sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, sức khỏe nghề nghiệp, truyền thông giáo dục sức khỏe và các nội dung chuyên môn khác thuộc Chương trình.

- Chủ trì tổ chức các hoạt động sàng lọc, phát hiện sớm, quản lý bệnh không lây nhiễm; phòng chống các yếu tố nguy cơ; triển khai các mô hình nâng cao sức khỏe cộng đồng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và hướng dẫn tổ chức các hoạt động luyện tập thể dục, dưỡng sinh tại cộng đồng.

- Chủ trì hướng dẫn chuyên môn, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ tuyến cơ sở triển khai các dự án, tiểu dự án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

- Chủ trì triển khai công tác truyền thông giáo dục sức khỏe; xây dựng tài liệu truyền thông; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

- Tổng hợp số liệu chuyên môn, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

3. Các bệnh viện, đơn vị điều trị

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe toàn diện.

- Giao Bệnh viện Lão khoa – Phục hồi chức năng chủ trì các nội dung, mục tiêu trong công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng thuộc dự án 3; đầu mối, hướng dẫn các địa phương, đơn vị y tế triển khai thực hiện, đảm bảo các chỉ tiêu được giao; phối hợp với các địa phương, đơn vị triển khai các dự án, tiểu dự án liên quan trong khuôn khổ Chương trình.

- Phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu triển khai các hoạt động khám sàng lọc, phát hiện sớm, quản lý điều trị các bệnh không lây nhiễm, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các nhóm đối tượng ưu tiên.

- Hỗ trợ chuyên môn, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến y tế cơ sở; tham gia công tác chỉ đạo tuyến, khám chữa bệnh từ xa và chuyển đổi số.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

4. Trạm Y tế xã, phường, đặc khu

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình tại địa phương; tham mưu UBND xã, phường, đặc khu hàng năm phê duyệt kế hoạch triển khai

chương trình tại địa phương tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu được giao. Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình vào các chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động chuyên môn thường xuyên của Trạm Y tế; bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, phòng chống bệnh không lây nhiễm, công tác dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và các hoạt động nâng cao sức khỏe phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Thực hiện quản lý sức khỏe người dân theo vòng đời; quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; triển khai đầy đủ các chương trình y tế, dân số và phát triển theo hướng dẫn của Sở Y tế và các đơn vị được phân công đầu mối, chủ trì triển khai các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

- Tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe; khám sức khỏe định kỳ; sàng lọc, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm; quản lý điều trị tại cộng đồng; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng ưu tiên.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, trường học và các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động nâng cao sức khỏe, tập luyện dưỡng sinh, hoạt động thể lực và xây dựng môi trường sống lành mạnh.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, quản lý số liệu và cập nhật đầy đủ trên các hệ thống thông tin y tế theo quy định.

5. Đề nghị các Sở, ban, ngành: Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 344/KH-UBND ngày 28/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị y tế trực thuộc triển khai hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu được giao tại các Dự án, Tiểu dự án của Chương trình.

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

- Ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình trên địa bàn; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức, đơn vị trực thuộc; huy động sự vào cuộc của các phòng, ban, đơn vị liên quan, các tổ chức chính trị, xã hội; các hội, đoàn thể tham gia thực hiện, đảm bảo các chỉ tiêu của Chương trình; bố trí nguồn lực theo phân cấp và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Chỉ đạo Trạm Y tế và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí trong trường hợp địa phương không cân đối được nguồn lực.

- Chỉ đạo tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe theo hướng đa dạng, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, từng nhóm đối tượng, nhất là vùng nông thôn, miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm chế độ thống kê, báo cáo; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các tiêu chí y tế trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu được giao trên địa bàn.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Phối hợp với ngành y tế tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc các đơn vị y tế chủ động báo cáo về Sở Y tế để chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- TYT xã, phường, đặc khu;
- Các Tổ chức Chính trị - Xã hội và các hội;
- GD và các PGD Sở Y tế (báo cáo);
- Các phòng chức năng của Sở Y tế;
- Các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh (triển khai);
- Các BV tư nhân trong tỉnh (phối hợp);
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Bùi Mạnh Hùng

Phụ lục
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ
CHĂM SÓC SỨC KHỎE, DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH
GAİ ĐOẠN 2026-2035, GAİ ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 5249/KH-SYT ngày 31/7/2026 của Sở Y tế)

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
I	DỰ ÁN 1: NÂNG CAO NĂNG LỰC MẠNG LƯỚI Y TẾ CƠ SỞ			
I.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị cho y tế cơ sở Mục tiêu chung: Đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị y tế cho y tế cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định về mô hình sáp nhập, sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp.			
1	a) Tỷ lệ Trạm Y tế xã, phường đặc khu có cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu về không gian chức năng theo quy định của Bộ Y tế đạt 100%. b) Tỷ lệ Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh có đủ danh mục thiết bị để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ Y tế đạt 100%.	a) Nội dung 01: Xây mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng và đầu tư thiết bị cho các Trạm Y tế cấp xã.	UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện	Phòng Kế hoạch - Tài Chính, Sở Y tế phối hợp hướng dẫn.
2	c) Tỷ lệ cơ sở quân y, cơ sở quân dân y (nếu có) có cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ đạt 70%; d) Tỷ lệ cơ sở quân y, quân dân y (nếu có) có đủ danh mục trang thiết bị y tế theo quy định, đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho bộ đội và Nhân dân đạt 70%.	b) Nội dung 02: Xây mới, nâng cấp, mở rộng và đầu tư thiết bị cho các cơ sở quân y, quân dân y khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Phòng Kế hoạch - Tài Chính, Sở Y tế phối hợp tổng hợp, báo cáo

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
3	đ) Tỷ lệ cơ sở y tế Công an có cơ sở hạ tầng, đủ danh mục thiết bị y tế theo quy định, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, chiến sĩ Công an và Nhân dân 100% vào năm 2030.	c) Nội dung 03: Xây mới, nâng cấp, mở rộng và đầu tư thiết bị cho các cơ sở y tế trong Công an nhân dân.	Công an tỉnh	Phòng Kế hoạch - Tài Chính, Sở Y tế phối hợp tổng hợp, báo cáo
I.2	1.2. Tiểu dự án 2: Đào tạo bác sĩ chuyên khoa cho y tế cơ sở Mục tiêu chung: Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao phục vụ y tế cơ sở.			
4	Mục tiêu cụ thể: Thực hiện hỗ trợ đào tạo trình độ chuyên khoa thêm ít nhất 55 bác sĩ tại Trạm Y tế xã, phường, đặc khu, bệnh viện khu vực (trong đó 40 bác sĩ đạt trình độ chuyên khoa, 15 bác sĩ còn lại được đào tạo năm cuối của giai đoạn sẽ tốt nghiệp trong giai đoạn tiếp theo).	a) Nội dung 01: Đào tạo trình độ chuyên khoa cho bác sĩ tại bệnh viện đa khoa khu vực.	- Văn phòng Sở Y tế chỉ đạo thực hiện; - Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế hướng dẫn chuyên môn và đào tạo, giám sát, hỗ trợ - Các bệnh viện ĐKKV chủ động	Sở Nội vụ
		b) Nội dung 02: Đào tạo trình độ chuyên khoa chuyên ngành y học gia đình cho bác sĩ tại Trạm Y tế xã, phường, đặc khu.	UBND xã, phường, đặc khu thực hiện	Sở Nội vụ; Phòng NVY, Văn phòng Sở Y tế
I.3	Tiểu dự án 3: Đổi mới hoạt động, cung ứng dịch vụ tại y tế cơ sở Mục tiêu chung: Đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động của y tế cơ sở; cung ứng dịch vụ chăm sóc ban đầu có chất lượng dễ tiếp cận, liên tục, toàn bộ vòng đời, chú trọng giải quyết các vấn đề sức khỏe của các nhóm trọng điểm: phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm yếu thế khác; sàng lọc và phát hiện sớm, quản lý các bệnh mạn tính, chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng; tăng cường chuyển đổi số trong theo dõi, quản lý, tư vấn sức khỏe người dân.			
5	a) 100% Trạm Y tế xã, phường, đặc khu triển	Nội dung 04: Dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị	TTKSBT	UBND các xã,

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	khai thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm theo hướng dẫn của Bộ Y tế. c) 80% người từ 18 đến 69 tuổi được đánh giá nguy cơ, sàng lọc lồng ghép các bệnh không lây nhiễm (tim mạch, đột quy, đái tháo đường, ung thư cổ tử cung, ung thư vú, phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, rối loạn sức khỏe tâm thần) theo hướng dẫn của Bộ Y tế ít nhất 1 lần trong mỗi giai đoạn 5 năm. d) 70% người từ 40 đến 69 tuổi được xét nghiệm đường máu để phát hiện tăng đường huyết, đo lưu lượng đỉnh để xác định nguy cơ bệnh hô hấp mạn tính ít nhất 1 lần trong mỗi giai đoạn 5 năm. đ) 50% phụ nữ được định kỳ sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú và ung thư cổ tử cung theo hướng dẫn chuyên môn (30-49 tuổi đối với ung thư cổ tử cung và 40-59 tuổi đối với ung thư vú) ít nhất 01 lần trong mỗi giai đoạn 5 năm. e) 90% người phát hiện nghi ngờ mắc bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần được lập danh sách theo dõi, tư vấn; ít nhất 60% người phát hiện nghi ngờ mắc bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần được khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý theo hướng dẫn chuyên môn trên toàn quốc.	bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở - Thiết lập các đơn nguyên tư vấn tâm lý và tổ chức triển khai tư vấn tâm lý cho các đối tượng có nguy cơ cao như sang chấn tâm lý, căng thẳng tâm lý. - Tổ chức đánh giá nguy cơ, sàng lọc lồng ghép các bệnh không lây nhiễm (tim mạch, đột quy, đái tháo đường, ung thư cổ tử cung, ung thư vú, phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, rối loạn sức khỏe tâm thần). + Đánh giá nguy cơ, sàng lọc lồng ghép các bệnh không lây nhiễm (tim mạch, đột quy, đái tháo đường, ung thư cổ tử cung, ung thư vú, phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, rối loạn sức khỏe tâm thần) theo hướng dẫn của Bộ Y tế. + Sàng lọc các rối loạn sức khỏe tâm thần cho trẻ em, thanh thiếu niên từ 6 đến 18 tuổi: triển khai các mô hình sàng lọc tại trường học. + Sàng lọc tăng động, giảm chú ý và tự kỷ trẻ em từ 12 tháng đến 5 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế: triển khai các mô hình sàng lọc tại trường mầm non và cộng đồng. + Sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú và ung thư cổ tử cung định kỳ theo hướng dẫn chuyên môn (30-49 tuổi đối với ung thư cổ tử cung và 40-59 tuổi đối với ung thư vú): làm xét nghiệm VIA đối với sàng lọc ung thư cổ tử cung, khám lâm sàng vú để sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú. + Xét nghiệm đường máu mao mạch và đo lưu		phường, đặc khu Các Sở, ngành, hội đoàn thể; Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	g) 100% người mắc tăng huyết áp và đái tháo đường đang được quản lý điều trị tại các cơ sở y tế trên toàn quốc được định kỳ đánh giá chức năng thận theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.	lượng đỉnh cho người từ 40 tuổi trở lên. - Tổ chức quản lý điều trị, chăm sóc bệnh nhân không lây nhiễm tại tuyến y tế cơ sở: + Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình chăm sóc giảm nhẹ tại Trạm Y tế. + Khám phát hiện, chẩn đoán và can thiệp các rối loạn sa sút trí tuệ, tự kỷ tại Trạm Y tế. + Tổ chức can thiệp cho người được chẩn đoán là sa sút trí tuệ, tự kỷ tại Trạm Y tế. + Thiết lập các Phòng/khu vực tư vấn dinh dưỡng, hoạt động thể lực, chăm sóc giảm nhẹ, phục hồi chức năng: cung cấp dụng cụ hỗ trợ phục hồi chức năng cho đối tượng sa sút trí tuệ, trẻ tự kỷ, các dụng cụ phục vụ hoạt động thể lực, các mô hình dinh dưỡng, máy hỗ trợ phục hồi chức năng, chăm sóc người biến chứng do tim mạch, đái tháo đường và triển khai tư vấn cho người có nguy cơ cao, người bệnh. + Tổ chức quản lý, theo dõi, tư vấn và hướng dẫn người bệnh tại cộng đồng thông qua hình thức thăm hộ gia đình, tư vấn trực tiếp tại Trạm Y tế hoặc tư vấn từ xa phù hợp với tình trạng sức khỏe của người bệnh và điều kiện thực tế của địa phương; hướng dẫn tuân thủ điều trị, theo dõi sức khỏe, thay đổi hành vi, lối sống nhằm kiểm soát bệnh, phòng ngừa biến chứng; hướng dẫn người thân và người chăm sóc thực hiện chăm sóc tại nhà, đặc biệt đối với người bệnh đột quỵ, ung thư, người cao tuổi và		

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		các trường hợp mắc bệnh mạn tính cần theo dõi lâu dài. - Giám sát, hỗ trợ kỹ thuật. - Cung cấp dụng cụ, vật tư tiêu hao. - Sàng lọc một số bệnh, tật khác: Tiếp tục xác định phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối nguồn vốn của từng giai đoạn như viêm gan B, C...		
6	b) 95% học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông được khám, kiểm tra sức khỏe bao gồm: thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực, thính lực; phát hiện các trường hợp suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì, giảm thị lực, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật khác tùy theo mỗi cấp học khác nhau.	Nội dung 08: Khám sàng lọc, kiểm tra sức khỏe học sinh; khám phát hiện, tư vấn điều trị và chuyển tuyến các bệnh, tật học đường cho toàn bộ học sinh trên địa bàn tỉnh	UBND các xã, phường, đặc khu;	Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Nghiệp vụ Y, TTKSBT
7	h) 70% phụ nữ mang thai được khám thai kết hợp xét nghiệm HIV, viêm gan B và giang mai.	Nội dung 01: Chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ mang thai - Cung cấp dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV, viêm gan B và giang mai cho phụ nữ mang thai càng sớm càng tốt trong thời gian mang thai để kịp thời can thiệp dự phòng lây truyền cho trẻ sơ sinh. - Hỗ trợ kỹ thuật thực hiện hoạt động. Nội dung 07: Hỗ trợ thực hiện nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em - Nâng cao năng lực cho nhân viên y tế về khám thai định kỳ kết hợp với việc dự phòng lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con;	TTKSBT	UBND các xã, phường, đặc khu; Trạm Y tế xã, phường, đặc khu; Các Bệnh viện

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời. - Nâng cao năng lực trong công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho cô đỡ thôn, bản. - Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến tỉnh và cán bộ bệnh viện thực hiện quản lý các tai biến sản khoa, phản hồi, đáp ứng tình trạng tử vong mẹ.		
8	i) Trên 80% bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh tại nhà tại các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Nội dung 03: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà sau sinh - Hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế, cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ tại nhà cho bà mẹ không đến đẻ tại cơ sở y tế. - Hỗ trợ kinh phí đi lại cho nhân viên y tế, cô đỡ thôn, bản, nhân viên y tế thôn, bản tại xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khi thực hiện chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà sau sinh. - Hỗ trợ kỹ thuật thực hiện hoạt động. Nội dung 06: Hỗ trợ mạng lưới cô đỡ thôn, bản duy trì hoạt động - Hỗ trợ phụ cấp hàng tháng cho cô đỡ thôn, bản đang hoạt động tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo. - Mua bổ sung vật tư tiêu hao (gói đỡ đẻ sạch, que thử Protein niệu để cô đỡ thôn, bản thực hiện nhiệm vụ).	TTKSBT	UBND các xã, phường, đặc khu; Các Sở, ngành, hội đoàn thể

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
9	k) 60% số xã, phường, đặc khu triển khai được mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời.	Nội dung 02: Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời - Cung cấp dịch vụ chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời tại Trạm Y tế cấp xã và thôn, bản. - Tư vấn, hướng dẫn chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho phụ nữ mang thai, bà mẹ nuôi con nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước sinh, trong và sau sinh tại Trạm Y tế cấp xã và tại thôn, bản. - Thực hiện Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ với các trường hợp sinh thường để trẻ được bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh tại Trạm Y tế xã có đỡ đẻ. - Tổ chức khám sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai 3 lần/thai kỳ/người (có thể lồng ghép vào khám thai); trẻ em dưới 2 tuổi 3 tháng/lần/trẻ (có thể lồng ghép vào khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em). - Tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ dựa trên các sản phẩm/thực phẩm tại địa phương. - Hỗ trợ kỹ thuật cho việc triển khai mô hình tại địa phương.	TTKSBT	UBND các xã, phường, đặc khu; Các Sở, ngành, hội đoàn thể
10	l) 50% Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thực hiện được việc hướng dẫn, tổ chức tập luyện dưỡng sinh tại cộng đồng.	Nội dung 05: Triển khai mô hình tập luyện dưỡng sinh nâng cao sức khỏe tại cộng đồng Triển khai, duy trì mô hình điểm tập luyện dưỡng	TTKSBT	UBND các xã, phường, đặc khu; Các Sở, ngành,

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		sinh tại cộng đồng: Lựa chọn địa điểm phù hợp để tổ chức tập luyện đường sinh thường xuyên; Trang bị dụng cụ tập luyện cơ bản; Tổ chức các nhóm luyện tập theo lịch cố định; Xây dựng cơ chế hỗ trợ tình nguyện viên/cộng tác viên hướng dẫn tại cộng đồng.		hội đoàn thể
I.4	Tiểu dự án 4: Chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi và tư vấn sức khỏe toàn diện Mục tiêu chung: Xây dựng hệ thống y tế cơ sở hiện đại, thân thiện và hiệu quả thông qua ứng dụng công nghệ số; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ban đầu, quản lý sức khỏe người dân chủ động và toàn diện, đồng thời tăng cường kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu y tế, quản lý các dữ liệu chương trình, các đối tượng liên quan để phục vụ người dân nhanh chóng, chính xác, kịp thời và thuận lợi cho đánh giá, giám sát của cơ quan quản lý.			
11	a) Phấn đấu 100% Trạm Y tế xã triển khai nền tảng Trạm Y tế xã phục vụ quản lý toàn diện các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ. b) Phấn đấu 100% Trạm Y tế xã triển khai mô hình bác sĩ gia đình và ứng dụng thiết bị y tế thông minh trong theo dõi, chăm sóc sức khỏe chủ động của người dân tại nhà. c) Phấn đấu 100% người dân được tạo lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân trên Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử và kết nối liên thông với Sở sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID. d) Phấn đấu 100% người dân được cập nhật, quản lý hồ sơ sức khỏe định kỳ hằng năm. đ) Phấn đấu 100% người dân được tư vấn chăm sóc sức khỏe trên Nền tảng tư vấn, khám chữa bệnh từ xa theo hướng dẫn của Bộ Y tế.	a) Nội dung 01: Ứng dụng triển khai Nền tảng Trạm Y tế xã toàn diện, thống nhất trên toàn quốc do Bộ Y tế triển khai. - Về hạ tầng: thuê hạ tầng vận hành Nền tảng cho các Trạm Y tế xã đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả liên tục theo thời gian. - Quản trị, vận hành, duy trì “Nền tảng Trạm Y tế xã” đảm bảo sự ổn định, an toàn và tính toàn vẹn của hệ thống: Giám sát và kiểm tra thường xuyên (hiệu suất, bảo mật, dung lượng); Kiểm soát quyền truy cập vào hệ thống; Cập nhật phần mềm và vá lỗi định kỳ; Sao lưu và khôi phục dữ liệu để bảo vệ thông tin; Xử lý sự cố nhanh chóng, giảm thời gian gián đoạn; Đảm bảo an toàn an ninh mạng và tuân thủ quy định pháp luật. b) Nội dung 02: Đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến	Văn phòng Sở Y tế	UBND các địa phương; Trạm Y tế

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	e) Phân đầu 100% cán bộ Trạm Y tế được đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số.	thức về chuyển đổi số cho cán bộ Trạm Y tế. c) Nội dung 03: Thực hiện triển khai Gói dịch vụ về chuyển đổi số: Dịch vụ 38 Quản lý hồ sơ sức khỏe của người dân thông qua Nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử và Dịch vụ 39 Tư vấn sức khỏe người dân sử dụng Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa được quy định tại Thông tư số 30/2024/TT-BYT ngày 04/11/2024 của Bộ Y tế ban hành quy định danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản do Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thực hiện. d) Nội dung 04: Tổ chức triển khai cung cấp các hoạt động dịch vụ giá trị gia tăng trên Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa nhằm nâng cao giá trị trải nghiệm, gia tăng sự hài lòng của người dân khi đến Trạm Y tế (không sử dụng kinh phí trong Chương trình). đ) Nội dung 05: Tổ chức triển khai mô hình bác sĩ gia đình và ứng dụng thiết bị y tế thông minh trong theo dõi, chăm sóc sức khỏe chủ động của người dân tại nhà (Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: thực hiện sáng kiến mỗi người dân có một bác sĩ).		
12		e) Nội dung 06: Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho 100% cán bộ, chiến sĩ Công an, bệnh án điện tử tại 100% các cơ sở y tế trong Công an nhân dân theo lộ trình; đảm bảo kết nối liên thông dữ liệu giữa các tuyến y tế trong Công an nhân dân, hỗ trợ công tác thống kê, dự báo mô hình bệnh tật.	Công an tỉnh	- Văn phòng Sở Y tế phối hợp nội dung 06, 07; - Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế phối hợp nội dung

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		g) Nội dung 07: Triển khai dịch vụ khám, tư vấn sức khỏe từ xa cho cán bộ, chiến sĩ, nhất là đối với cán bộ, chiến sĩ tại cơ sở thường xuyên di chuyển theo yêu cầu công tác. h) Nội dung 08: Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu của mạng lưới y tế cơ sở trong Công an nhân dân, sàng lọc bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp, đái tháo đường, rối loạn chuyển hóa, ung thư cổ tử cung, ung thư vú và một số bệnh, tật khác).		08; - UBND các địa phương
II.	DỰ ÁN 2: NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỆ THỐNG PHÒNG BỆNH VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE			
II.1	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư thiết bị cho hệ thống phòng bệnh và nâng cao sức khỏe tại tuyến tỉnh</i> Mục tiêu chung: Đầu tư thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) đủ năng lực phát hiện các tác nhân gây dịch, bệnh; giám sát chất lượng nước sạch, vệ sinh trường học.			
1	Đảm bảo CDC tỉnh có đủ thiết bị xét nghiệm kháng nguyên, kháng thể; các tác nhân gây các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; giám sát chất lượng nước sạch, vệ sinh trường học theo quy định của Bộ Y tế.	CDC tỉnh tiếp nhận một số thiết bị định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ, sinh học phân tử, phân tích đa tác nhân cần thiết cho labo phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh, hiện đại hóa hệ thống phòng thử nghiệm giám sát chất lượng nước sạch, vệ sinh trường học từ Bộ Y tế (nếu có)	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế	Sở Tài chính, Phòng Nghiệp vụ Y TTKSBT
II.2	<i>Tiểu dự án 2: Phòng, chống chủ động dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm</i> Mục tiêu chung: Phòng, chống chủ động dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong cao; Góp phần chấm dứt dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét, viêm gan vi rút và bệnh phong vào năm 2030 và tiếp tục duy trì thành quả đến năm 2035.			
2	a) Triển khai điểm giám sát trọng điểm đủ khả năng phát hiện các tác nhân gây bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, than, dịch hạch, cúm	a) Nội dung 01: Hoạt động giám sát trọng điểm các bệnh truyền nhiễm Xây dựng, tập huấn hướng dẫn quốc gia về giám sát trọng điểm các bệnh	- TTKSBT chủ trì các nội dung: 01, 02, 03, 04, 05, 06,	Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế;

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	mùa, cúm A, COVID-19, một số tác nhân gây bệnh đường hô hấp khác theo hướng dẫn của Bộ Y tế.	nguy hiểm và có khả năng bùng phát dịch và tiềm ẩn nguy cơ gây đại dịch bao gồm cúm mùa, cúm A, COVID-19 và một số tác nhân gây bệnh đường hô hấp khác, sốt xuất huyết, tay chân miệng, than...; Tổ chức triển khai giám sát trọng điểm bao gồm lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển, cung cấp sinh phẩm, vật tư hóa chất, xét nghiệm, phân tích, tổng hợp và báo cáo kết quả; Tổ chức giám sát hỗ trợ kỹ thuật; kiểm tra, giám sát.	08, 09; - Bệnh viện Phổi chủ trì nội dung 07	Các bệnh viện; UBND các xã, phường đặc khu
3	b) Nâng cao năng lực cán bộ hệ thống phòng bệnh thông qua đào tạo dịch tễ học thực địa (FETP) tại tuyến tỉnh và tuyến xã.	d) Nội dung 04: Phối hợp với đơn vị trực thuộc Bộ Y tế tổ chức đào tạo dịch tễ học thực địa (FETP) cho cán bộ y tế tuyến tỉnh, tuyến xã.		
4	c) Góp phần giảm số người nhiễm HIV được phát hiện mới đạt mức dưới 6,13/100.000 dân/năm vào năm 2030 . d) Góp phần tăng tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình lên 95% vào năm 2030 và duy trì đến năm 2035. đ) Góp phần tăng tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được tiếp cận dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV đạt từ 80% trở lên đối với nhóm nghiện chích ma túy, đạt từ 80% trở lên đối với phụ nữ bán dâm và đạt từ 90% trở lên đối với nhóm MSM. e) Góp phần tăng tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV đạt 95%. g) Góp phần giảm tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ	đ) Nội dung 05: Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS - Triển khai các hoạt động tiếp cận với nhóm nguy cơ cao lây nhiễm HIV, tổ chức các hoạt động tư vấn giảm kỳ thị, phân biệt đối xử, cung cấp vật phẩm giảm hại, tăng cường xét nghiệm HIV sàng lọc và tư vấn bạn tình bạn chích. - Mở rộng và thực hiện can thiệp giảm hại và dự phòng lây nhiễm HIV: cung cấp bơm kim tiêm sạch, bao cao su miễn phí, tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực cho các tổ chức cộng đồng, khu vực tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS. - Triển khai tư vấn, xét nghiệm HIV tại cơ sở y tế và cộng đồng và tự xét nghiệm: cung cấp test kit, lấy mẫu, xét nghiệm (bao gồm xét nghiệm đa tác		

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	sang con xuống dưới 2%.	nhân, kỹ thuật xét nghiệm mới phát hiện sớm bao gồm cả trẻ dưới 18 tháng tuổi); Giám sát trọng điểm nhóm nguy cơ cao lây nhiễm HIV: lựa chọn đối tượng, phạm vi, cung cấp test kit, sinh phẩm xét nghiệm, lấy mẫu, tiến hành xét nghiệm và phân tích kết quả. - Tư vấn, chuyển gửi, kết nối đối tượng có nguy cơ từ xét nghiệm HIV đến các cơ sở cung cấp dịch vụ dự phòng, điều trị liên quan đến HIV phù hợp. - Hỗ trợ điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (Mở rộng cung cấp dịch vụ tại các cơ sở y tế công lập, tư nhân và cộng đồng, tập huấn, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật tăng cường năng lực cho các cơ sở cung cấp dịch vụ) nhằm nâng cao hiệu quả dự phòng và giảm lây nhiễm HIV trong cộng đồng. - Tập huấn, hội nghị, hội thảo cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về bổ sung kiến thức nâng cao kỹ năng chuyên môn về các hoạt động dự phòng bao gồm can thiệp giảm tác hại, tư vấn xét nghiệm HIV, điều trị methadone, điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV (PrEP), điều trị ARV, quản lý dữ liệu và triển khai các hoạt động; triển khai mô hình hướng đến cách tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm, hỗ trợ toàn diện cho người nhiễm HIV, hướng đến mục tiêu giảm kỳ thị, phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS, cải thiện chất lượng cuộc sống của người sống chung với HIV		

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
5	i) Góp phần giảm tỷ lệ mới mắc Lao xuống dưới 50/100.000 dân (<i>Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 17/3/2024 của UBND tỉnh</i>). k) Sàng lọc chủ động bệnh lao cho trên 90% đối tượng nguy cơ cao trên địa bàn tỉnh gắn với hoạt động khám sức khỏe toàn dân hoặc dịch vụ công quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.	g) Nội dung 07: Hoạt động phòng, chống lao Cung cấp thuốc lao cho những người vô gia cư, người nghèo không có bảo hiểm y tế; Tập huấn về chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao; Triển khai khám sàng lọc chủ động, phát hiện tích cực bệnh lao hằng năm cho người dân tại cộng đồng để góp phần đạt được mục tiêu chấm dứt bệnh lao tại Việt Nam.		
6	h) Đạt tiêu chí loại trừ bệnh Sốt rét	Nội dung 06: Hoạt động phòng, chống sốt rét:		
7	l) Trên 95% số trẻ từ 7-12 tháng tuổi sinh ra từ bà mẹ nhiễm viêm gan B được tư vấn xét nghiệm HBsAg và trên được theo dõi tình trạng lây truyền HBV từ mẹ sang con góp phần giảm lây truyền vi rút viêm gan B từ mẹ sang con. m) Tăng số người nhiễm vi rút viêm gan B, C được chẩn đoán.	Nội dung 08: Hoạt động phòng, chống bệnh viêm gan vi rút - Triển khai xét nghiệm sàng lọc viêm gan vi rút B, C cho một số đối tượng nguy cơ cao tại cộng đồng và cơ sở y tế (phụ nữ mang thai, bệnh nhân HIV, bệnh nhân đang điều trị Methadone, khách hàng đang điều trị PrEP); Triển khai xét nghiệm HBsAg cho trẻ em từ 7-12 tháng tuổi sinh ra từ bà mẹ nhiễm HBV nhằm theo dõi tình trạng HBV từ mẹ sang con. - Đánh giá tình hình nhiễm HBV và HCV trong cộng đồng. - Nâng cao năng lực dự phòng và điều trị viêm gan: Nâng cao năng lực cho bác sĩ, nhân viên y tế các tuyến về điều trị viêm gan B, C; chuyển gửi điều trị viêm gan B, C; Nâng cao năng lực cho cán bộ chăm sóc sức khỏe sinh sản về cung cấp dịch vụ dự phòng lây truyền viêm gan vi rút từ mẹ sang con.		

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		- Nâng cao năng lực báo cáo phát hiện các bệnh viêm gan		
8	n) 100% người mắc bệnh phong trong cộng đồng được biết tình trạng bệnh của mình. o) 100% người tiếp xúc gần (trong gia đình hoặc cộng đồng) với bệnh nhân phong được khám tiếp xúc để sàng lọc bệnh phong. p) Giảm tỷ lệ bệnh nhân phong mới phát hiện có tàn tật độ 2 xuống dưới 15%. Duy trì kết quả công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh.	Nội dung 09: Hoạt động phòng, chống bệnh phong Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ y tế tuyến xã trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh phong; Giám sát định kỳ, đánh giá hằng năm hệ thống phòng chống phong, tàn tật do phong tuyến xã; Triển khai khám sàng lọc chủ động, phát hiện tích cực bệnh phong; Cung cấp thuốc điều trị cơn phản ứng, điều trị và chăm sóc tàn tật cho những người vô gia cư, bệnh nhân nghèo không có bảo hiểm y tế		
9	q) Tăng cường miễn dịch cộng đồng trong phòng bệnh	b) Nội dung 02: Hoạt động thí điểm tiêm chủng 4 loại vắc xin gồm sốt xuất huyết, viêm màng não do não mô cầu, thủy đậu và tay chân miệng khi Bộ Y tế triển khai tại tỉnh. c) Nội dung 03: Đánh giá miễn dịch cộng đồng đối với các bệnh ưu tiên có vắc xin phòng (sởi, bạch hầu, ho gà) để chủ động đề xuất các chiến dịch tiêm chủng chủ động phòng chống dịch theo hướng dẫn của Bộ Y tế.		
II.3	Tiểu dự án 3: Phòng, chống bệnh không lây nhiễm; bệnh tật phổ biến lứa tuổi học đường và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý Mục tiêu chung: - Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đẩy mạnh các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị để hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, biến chứng, tàn tật và tử vong sớm do các bệnh không lây nhiễm; thiếu/thừa dinh dưỡng và các rối loạn sức khỏe tâm thần nhằm góp phần bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, tầm vóc, trí tuệ của Nhân dân và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. - Nâng cao sức khỏe cho trẻ em, học sinh thông qua các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, tăng cường công tác dự phòng và điều trị kịp thời bệnh tật học đường.			

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
10	a) 100% cán bộ phụ trách công tác y tế trường học cấp xã và nhân viên y tế trong các trường học, cơ sở giáo dục được tập huấn về phát hiện sớm bệnh, tật và dự phòng các yếu tố nguy cơ gây bệnh, tật học đường.	Nội dung 02: Hoạt động phòng, chống các bệnh tật phổ biến lứa tuổi học đường - Triển khai, cung cấp tài liệu chuyên môn về khám, phát hiện, tư vấn điều trị các bệnh, tật học đường dành cho cán bộ y tế cơ sở và nhân viên y tế trường học. - Triển khai bộ tiêu chí “Trường học nâng cao sức khỏe” và phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện. - Tổ chức tập huấn về phát hiện sớm bệnh, tật và dự phòng các yếu tố nguy cơ gây bệnh, tật học đường cho cán bộ phụ trách công tác y tế trường học cấp xã và nhân viên y tế trong các trường học. - Đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác y tế trường học. - Kiểm tra, giám sát hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật công tác y tế trường học	TTKSBT	Sở Giáo dục và Đào tạo UBND các xã, phường đặc khu
11	b) Nghiên cứu triển khai thí điểm mô hình dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị lồng ghép phòng chống yếu tố nguy cơ các bệnh không lây nhiễm phổ biến tại cộng đồng <i>(khi thấy phù hợp với tỉnh)</i>	Nội dung 01: Hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm Xây dựng và triển khai mô hình lồng ghép phòng, chống bệnh không lây nhiễm, rối loạn sức khỏe tâm thần và các yếu tố nguy cơ khi được Bộ Y tế triển khai tại tỉnh (Khảo sát thực trạng, xây dựng mô hình.	TTKSBT	Sở Y tế, UBND các xã, phường đặc khu
12	c) Tỷ lệ thiếu kẽm huyết thanh thấp ở trẻ em 6-59 tháng tuổi giảm xuống dưới 40% (khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số xuống dưới 50%).	Nội dung 03: Can thiệp, bảo đảm dinh dưỡng cộng đồng - Hoạt động nâng cao năng lực dinh dưỡng cộng đồng: Triển khai tài liệu chuyên môn và đào tạo,	TTKSBT	UBND các xã, phường đặc khu; Các Sở, ngành,

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	d) Tỷ lệ thừa cân, béo phì của trẻ em dưới 5 tuổi khu vực thành thị ở mức dưới 11%; người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 20%.	tập huấn, hội nghị, nói chuyện chuyên đề, bồi dưỡng về chuyên môn kỹ thuật để nâng cao năng lực về dinh dưỡng cộng đồng; xây dựng các khuyến nghị, tiêu chí, hướng dẫn đặc thù về chế độ ăn, khẩu phần phù hợp với từng đối tượng; tập huấn các hướng dẫn chuyên môn để phát hiện, tư vấn, tổ chức triển khai hoạt động cải thiện suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì, thiếu vi chất dinh dưỡng, rối loạn chuyển hóa tại cộng đồng. - Hoạt động khảo sát, điều tra trọng điểm gồm: thu thập số liệu dinh dưỡng, cung cấp sinh phẩm, vật tư, hóa chất xét nghiệm, lấy mẫu hoặc đo lường, xét nghiệm vi chất dinh dưỡng, phân tích, tổng hợp, báo cáo kết quả. Điều tra đánh giá hoạt động bảo đảm dinh dưỡng cộng đồng và trường học; giám sát hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ, hoạt động dinh dưỡng cộng đồng và trường học. - Giám sát, đánh giá tình trạng dinh dưỡng định kỳ cho trẻ em, thanh thiếu niên, đối tượng có nguy cơ cao mắc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng, trường học tại địa phương khi được Bộ Y tế triển khai tại tỉnh. - Tổ chức các hoạt động tư vấn, can thiệp dinh dưỡng cho từng đối tượng tại cộng đồng, trường học. - Giám sát chất lượng khẩu phần bữa ăn của đối tượng nguy cơ (trẻ em, học sinh, người trưởng thành, người cao tuổi) và đặc thù theo ngành nghề,		đoàn, hội

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		địa phương khi được Bộ Y tế triển khai tại tỉnh. - Triển khai một số hoạt động về dinh dưỡng học đường (triển khai tài liệu chuyên môn, khuyến nghị, tiêu chí về dinh dưỡng trong học đường; Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ y tế và liên ngành liên quan trong triển khai các hoạt động sàng lọc, phát hiện suy dinh dưỡng, kiểm soát thừa cân, béo phì trong trường học; thí điểm triển khai mô hình căng tin trường học lành mạnh; tổ chức giáo dục dinh dưỡng hợp lý trong học đường; giám sát và triển khai mô hình dinh dưỡng học đường (kiểm soát thừa cân béo phì, giảm suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng). - Can thiệp dinh dưỡng khi cần thiết: Mua, cung cấp sản phẩm dinh dưỡng dùng cho phục hồi suy dinh dưỡng cấp tính và đa vi chất dinh dưỡng trong phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo và cận nghèo; xã nghèo để triển khai tại tuyến xã ở Dự án 1; Tư vấn, hướng dẫn thực hành dinh dưỡng, theo dõi tăng trưởng tại cộng đồng; Tổ chức triển khai tháng hành động, chiến dịch, lễ phát động, xây dựng mô hình và tổ chức triển khai, duy trì thực hiện các mô hình về can thiệp cải thiện dinh dưỡng đặc thù (can thiệp theo dân tộc, điều kiện sống, địa bàn và đối tượng có những nguy cơ về suy dinh dưỡng, thừa cân/béo phì, các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng tại cộng đồng và trường học).		

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		- Triển khai các hoạt động ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp (xây dựng kế hoạch chuẩn bị sẵn sàng; tập huấn nâng cao năng lực; triển khai mô hình phù hợp theo loại hình thiên tai như ngập mặn, hạn hán, lũ lụt và hướng dẫn triển khai).		
III	DỰ ÁN 3: DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN			
III.1	Tiểu dự án 1: Khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con Mục tiêu chung: Khuyến khích cặp nam, nữ thanh niên kết hôn trước 30 tuổi, cặp vợ chồng và cá nhân sinh đủ hai con.			
1	Tăng thêm 5% số phụ nữ sinh đủ hai con trên cả nước so với năm 2025.	3.1.4.1. Khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi Nội dung 01: Cung cấp kiến thức liên quan trực tiếp đến việc chuẩn bị kết hôn cho nam nữ thanh niên; đến việc mang thai và nuôi con nhỏ cho phụ nữ mang thai, nuôi con nhỏ trên nền tảng số. Nội dung 02: Khuyến khích nam nữ kết hôn trước 30 tuổi. Nội dung 03: Phát huy vai trò của gia đình trong thực hiện chính sách dân số. 3.1.4.2. Dự phòng vô sinh tại cộng đồng cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ Nội dung 01: Phát triển các bộ tài liệu tư vấn, hướng dẫn dự phòng vô sinh tại cộng đồng; Tổ chức hướng dẫn cán bộ y tế - dân số các cấp. Nội dung 02: Tổ chức các đợt tư vấn tuyên truyền về các yếu tố nguy cơ gây vô sinh và tầm quan	Phòng Dân số và Phát triển, Sở Y tế	- UBND các xã, phường đặc khu; - Sở Dân tộc và Tôn giáo; - Sở Nội vụ; - Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch - Sở Tư pháp; - Các Hội, Đoàn thể; - TTKSBT; - Các bệnh viện.

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		trọng của khám sức khỏe sinh sản định kỳ. 3.1.4.3. Tổ chức điều tra nhân khẩu học và sức khỏe (DHS) vào năm 2027-2028. Tổ chức khảo sát các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định sinh con, số con mong muốn của các cặp vợ chồng, nam - nữ thanh niên; quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ với phát triển và các nghiên cứu chuyên đề khác.		
III.2	Tiểu dự án 2: Thu hẹp khoảng cách mất cân bằng giới tính khi sinh Mục tiêu chung: Đẩy mạnh triển khai các can thiệp ngăn chặn, phòng ngừa mất cân bằng giới tính khi sinh để các cặp vợ chồng thực hiện sinh con theo quy luật sinh sản tự nhiên.			
2	Phấn đấu mỗi năm giảm 0,4 điểm phần trăm tỷ số giới tính khi sinh.	3.2.4.1. Ngăn chặn cung cấp các dịch vụ liên quan đến mất cân bằng giới tính khi sinh Nội dung 01: Thúc đẩy các cơ sở cung cấp dịch vụ tham gia kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Nội dung 02: Nâng cao hiệu quả kiểm soát thực hiện quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi trên internet. 3.2.4.2. Can thiệp ngăn ngừa phát sinh nhu cầu lựa chọn giới tính trước khi sinh tại các tỉnh, thành phố có tỷ số giới tính khi sinh cao Nội dung 01: Huy động sự tham gia của các chức sắc tôn giáo trong việc ngăn chặn, phòng ngừa mất cân bằng giới tính khi sinh. Nội dung 02: Xây dựng mô hình cộng đồng xóa bỏ trọng nam hơn nữ, không lựa chọn giới tính thai nhi tại các địa bàn mất cân bằng giới tính khi sinh.	Phòng Dân số và Phát triển, Sở Y tế	- Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em, Sở Y tế; - UBND xã, phường, đặc khu - Sở Dân tộc và Tôn giáo; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở Nội vụ; - Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; - Công an tỉnh;

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		Nội dung 03: Phát triển mô hình hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái. Nội dung 04: Tăng cường sự tham gia của nam giới trong ngăn ngừa phát sinh nhu cầu lựa chọn giới tính trước khi sinh. 3.2.4.3. Can thiệp phòng ngừa mất cân bằng giới tính khi sinh Nội dung 01: Đưa nội dung ngăn chặn, phòng ngừa mất cân bằng giới tính khi sinh vào nhà trường. Nội dung 02: Tổ chức tháng hành động nhân Ngày Quốc tế Trẻ em gái (ngày 11 tháng 10 hằng năm). Nội dung 03: Khảo sát, đánh giá về những yếu tố văn hóa xã hội tác động đến mất cân bằng giới tính khi sinh tại Việt Nam. Thực hiện cuộc khảo sát năm 2028 để làm cơ sở đề xuất, điều chỉnh các can thiệp (khi có hướng dẫn, triển khai của Bộ Y tế).		- Sở Khoa học và Công nghệ; - Các Hội, Đoàn thể; - TTKSBT; - Các bệnh viện.
III.3	Tiểu dự án 3: Nâng cao chất lượng dân số góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Mục tiêu chung: Phát triển dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình nhằm nâng cao chất lượng dân số về thể chất và trí tuệ.			
3	a) Tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%.	3.3.4.3. Cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn Nội dung 01: Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn. Nội dung 03: Hằng năm, tổ chức chiến dịch cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	Phòng Dân số và Phát triển đầu mối tổng hợp chung - Phòng Dân số và Phát triển - Sở Y tế chủ trì nhiệm vụ 3.3.4.3; 3.3.4.8.	- Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em, Sở Y tế; - UBND xã, phường, đặc khu; - Công an tỉnh; - Bộ Chỉ huy

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		Nội dung 04: Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 3.3.4.8. Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới; Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới. Nội dung 02: Kiểm soát, quản lý dân số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới. Nội dung 03: Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới. 3.3.4.9. Giáo dục, phổ biến pháp luật về kiến thức pháp luật hôn nhân và gia đình, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm nuôi dưỡng con cái, chăm sóc bố mẹ và các vấn đề có liên quan, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý khi họ gặp các vấn đề về pháp luật liên quan đến hôn nhân và gia đình.	- Sở Tư pháp chủ trì nhiệm vụ 3.3.4.9.	quân sự tỉnh; - Sở Dân tộc và Tôn giáo; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở Nội vụ; - Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; - Sở Tư pháp; - Các Hội đoàn thể; - TTKSBT; - Các bệnh viện.
4	b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh ít nhất 4 bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%. c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh ít nhất 5 bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90%.	3.3.4.1. Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước sinh và sơ sinh. 3.3.4.2. Nghiên cứu, đào tạo nhân lực sàng lọc trước sinh và sơ sinh Nội dung 01: Nghiên cứu thành lập Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh của tỉnh thực	* Phòng Dân số và Phát triển – Sở Y tế chủ trì nhiệm vụ 3.3.4.6, 3.3.4.7 và chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả triển khai,	- UBND xã, phường, đặc khu; - Công an tỉnh; - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; - Sở Dân tộc và

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		hiện các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, ứng dụng kỹ thuật mới; hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật cho bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc tỉnh quản lý. Nội dung 02: Thực hiện các nghiên cứu khoa học mở rộng mặt bệnh mới. Triển khai nghiên cứu đánh giá về các bệnh tật bẩm sinh, kỹ thuật sàng lọc, chẩn đoán, điều trị để làm cơ sở xây dựng chính sách và phát triển dịch vụ. 3.3.4.4. Cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh Nội dung: Cung cấp gói dịch vụ sàng lọc trước sinh và gói dịch vụ sàng lọc sơ sinh Cung cấp gói dịch vụ sàng lọc trước sinh và gói dịch vụ sàng lọc sơ sinh cho tất cả phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh theo quy định của pháp luật. 3.3.4.6. Thúc đẩy sự tham gia, kết nối, chia sẻ cập nhật thông tin về di cư và sức khỏe người di cư 3.3.4.7. Phối hợp Triển khai các nghiên cứu tác nghiệp, cung cấp bằng chứng phục vụ hoạch định chính sách, biện pháp thực hiện các mục tiêu của công tác dân số trong tình hình mới.	các nhiệm vụ: - Phòng Nghiệp vụ Y chủ trì nhiệm vụ 3.3.4.1; - Bệnh viện Sản nhi chủ trì nhiệm vụ 3.3.4.2; - Các bệnh viện Trên địa bàn tỉnh chủ trì nhiệm vụ 3.3.4.4; - Phòng	Tôn giáo; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở Nội vụ; - Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; - Các Hội đoàn thể; - TTKSBT; - Các bệnh viện.
III.4	Tiểu dự án 4: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi Mục tiêu chung: Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi góp phần thích ứng với già hóa dân số.			
5	a) 90% số xã, phường, đặc khu có ít nhất 01 điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại	3.4.4.1. Tổ chức khám một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi	Phòng Dân số và Phát triển đầu mối	- Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế;

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	cộng đồng. b) 90% người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe tại nhà, tại cộng đồng.	3.4.4.2. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng Nội dung 01: Tổ chức chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Nội dung 02: Phát triển các câu lạc bộ có nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng. Nội dung 03: Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số của tỉnh. 3.4.4.3. Phát triển nguồn nhân lực cho bệnh viện lão khoa và khoa lão khoa của bệnh viện, các cơ sở chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại cộng đồng, tại nhà. Nội dung 01: Tổ chức đào tạo cho các bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên thông qua các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh từ cơ bản đến chuyên sâu Nội dung 02: Tổ chức triển khai chuyển giao kỹ thuật cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho bệnh viện lão khoa, khoa lão bệnh viện đa khoa, cơ sở chăm sóc sức khỏe tập trung. Nội dung 03: Thực hiện các nghiên cứu khoa học về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng. 3.4.4.4. Thích ứng với già hóa dân số và dân số già Nội dung 01: Triển khai hướng dẫn chuẩn bị cho	tổng hợp chung - Phòng Dân số và Phát triển – Sở Y tế 3.4.4.1; 3.4.4.2; 3.4.4.4 nội dung 01, 03, 03; - Bệnh viện Lão khoa-PHCN và UBND các xã chủ trì nhiệm vụ 3.4.4.3; - Sở Tư pháp chủ trì nội dung 04, nhiệm vụ 3.4.4.4.	- UBND các xã, phường đặc khu; - Các Hội, đoàn thể (Hội Người cao tuổi); - Sở Tư pháp; - Sở Dân tộc và Tôn giáo; - Sở Nội vụ; - Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; - Phòng Nghiệp vụ Y, Văn phòng, Sở Y tế; - Các Bệnh viện.

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		tuổi già từ khi còn trẻ (cung cấp kiến thức, kỹ năng, giáo dục thể hệ trẻ về lối sống lành mạnh, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, lao động, tích lũy) để thích ứng với già hóa dân số. Nội dung 02: Tổ chức hướng dẫn, cung cấp kiến thức, kỹ năng, chuẩn bị cho tuổi già từ khi còn trẻ đối với người từ 40 tuổi trở lên (lối sống lành mạnh, rèn luyện sức khỏe, chăm sóc người cao tuổi tại nhà, chuẩn bị tài chính, lao động, việc làm phù hợp) cho cán bộ y tế - dân số các cấp. Nội dung 03: Phổ cập kiến thức về chuẩn bị cho tuổi già, già hóa khỏe mạnh trong cộng đồng bằng các loại hình báo chí, xuất bản phẩm, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề. Nội dung 04: Phổ biến pháp luật về các nội dung có liên quan đến thích ứng với già hóa dân số, quyền lợi hợp pháp của người cao tuổi và nâng cao khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý cho người cao tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý.		
III.5	Tiểu dự án 5: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng Mục tiêu chung: Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tạo điều kiện để người khuyết tật hòa nhập, tham gia bình đẳng vào các hoạt động của cộng đồng và xã hội, phát huy tối đa khả năng của người khuyết tật, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm tỷ lệ khuyết tật trên địa bàn tỉnh.			
6	a) 90% người khuyết tật được tiếp cận với dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp.	3.5.4.1. Cung cấp các dịch vụ phục hồi chức năng toàn diện cho người khuyết tật tại cộng đồng. Nội dung 01: Điều tra hộ gia đình phát hiện người	Bệnh viện Lão khoa – Phục hồi chức năng chủ trì hướng dẫn các	- UBND các xã, phường đặc khu; - Sở Giáo dục và

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		khuyết tật; khám sàng lọc đánh giá, phân loại khuyết tật và xác định nhu cầu cần phục hồi chức năng của người khuyết tật, lập kế hoạch can thiệp phục hồi chức năng. Nội dung 02: Phát triển nguồn nhân lực phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. Nội dung 03: Tổ chức cung cấp dịch vụ can thiệp phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại Trạm Y tế xã hoặc tại nhà; chỉ định và tư vấn sử dụng dụng cụ trợ giúp phù hợp. 3.5.4.3. Tăng cường năng lực chuyên môn và quản lý, giám sát hệ thống phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, hỗ trợ toàn diện cho người khuyết tật.	Trạm Y tế triển khai.	Đào tạo; - Sở Nội vụ; - Các Hội, đoàn thể (Hội người cao tuổi, Hội người khuyết tật...); - Các Bệnh viện.
7	b) 90% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật.	3.5.4.2. Phòng ngừa khuyết tật ở trẻ và phát hiện sớm - can thiệp sớm trẻ em khuyết tật.		
IV	DỰ ÁN 4: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC XÃ HỘI CHO NGƯỜI DỄ BỊ TỒN THƯƠNG			
IV.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực mạng lưới chăm sóc xã hội toàn diện Mục tiêu chung: Nâng cao chất lượng chăm sóc xã hội, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng và bảo đảm quyền sống, tiếp cận công bằng, an sinh xã hội bền vững cho người dễ bị tổn thương; góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.			
1	a) Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, chăm sóc trẻ em tự kỷ, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật; cơ sở trợ giúp xã	a) Nội dung 01: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với các cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, chăm sóc trẻ em tự kỷ, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội	Giao Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em là đầu mối - Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế chủ trì nội dung	- UBND xã, phường, đặc khu; - Công an tỉnh; - Sở Tư pháp; - Sở Giáo dục và Đào tạo;

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	hội trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực. b) Từng bước đầu tư xây dựng mới, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội theo quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội và điều kiện thực tế của tỉnh.	tổng hợp.	01 đối với cơ sở trực thuộc Sở Y tế; - UBND địa phương chủ trì nội dung 01 đối với cơ sở thuộc UBND địa phương quản lý; - Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em, Sở Y tế chủ trì nội dung: 02, 03	- Sở Nội vụ; - Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh
2	c) Triển khai các mô hình chăm sóc bán trú tại cơ sở trợ giúp xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm hỗ trợ chăm sóc người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ. d) Ít nhất 70% cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên công tác xã hội và cộng tác viên công tác xã hội làm việc tại các xã, phường, đặc khu, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở chăm sóc xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xã hội, trợ giúp xã hội, phù hợp với vị trí việc làm, nhiệm vụ được giao và yêu cầu triển khai Chương trình. đ) Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong quản lý, cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội; từng bước xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội theo hướng dẫn của Trung ương. e) Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận	b) Nội dung 02: Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ người làm công tác xã hội, người chăm sóc người dễ bị tổn thương và các tổ chức về người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi c) Nội dung 03: Triển khai thí điểm mô hình chăm sóc bán trú (cơ sở trợ giúp xã hội) nhằm hỗ trợ chăm sóc người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ tại nhà.		

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	thức của người dân và cộng đồng về các chính sách trợ giúp xã hội, dịch vụ chăm sóc xã hội, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng nhằm nâng cao khả năng tiếp cận, sử dụng dịch vụ của các đối tượng có nhu cầu.			
IV. 2	Tiểu dự án 2: Bảo vệ, chăm sóc phát triển cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; trẻ em là nạn nhân, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, trẻ em bị xâm hại cần được hỗ trợ khẩn cấp. Mục tiêu chung: Đảm bảo trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần; được tiếp cận bình đẳng với các dịch vụ hỗ trợ, bảo vệ, chăm sóc và phát triển phù hợp theo độ tuổi; góp phần thực hiện đầy đủ quyền trẻ em và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.			
3	a) Đến năm 2030, trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em trên địa bàn tỉnh được phát hiện, hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định. b) Phối hợp với Bộ Y tế triển khai, duy trì và nhân rộng các mô hình bảo vệ trẻ em chuyên biệt, tích hợp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, bảo đảm hoạt động hiệu quả; Mô hình làm cha mẹ chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em những năm đầu đời; tổ chức tư vấn, giáo dục làm cha mẹ về chăm sóc, phát triển toàn diện trẻ em những năm đầu đời theo hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.	a) Nội dung 01: Hỗ trợ thực hiện mô hình bảo vệ trẻ em chuyên biệt, tích hợp (tập trung cho nhóm trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục). b) Nội dung 02: Hỗ trợ, can thiệp trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em. c) Nội dung 03: Hỗ trợ tâm lý xã hội cho trẻ em là nạn nhân/bị ảnh hưởng bởi thảm họa thiên tai, trẻ em cần hỗ trợ khẩn cấp do bị xâm hại nghiêm trọng. d) Nội dung 04: Triển khai chương trình tư vấn, giáo dục làm cha mẹ về chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em.	Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em, Sở Y tế	- UBND các xã, phường đặc khu - Các Sở liên quan - Các hội, đoàn thể
V	DỰ ÁN 5: TRUYỀN THÔNG Y TẾ, QUẢN LÝ, THEO DÕI VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH			
V.1	Tiểu dự án 1: Truyền thông - giáo dục sức khỏe Mục tiêu chung: Tăng cường và đổi mới các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội, thích			

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	ứng với bối cảnh truyền thông hiện đại, đảm bảo người dân được trang bị và nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe, chủ động chăm sóc sức khỏe và phòng, chống bệnh tật. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ người dân từ 18 tuổi trở lên nhận được thông tin cơ bản về chăm sóc sức khỏe toàn diện qua các hoạt động truyền thông của chương trình đạt ít nhất 60% và đạt 80% vào năm 2035.			
1	a) 100% kênh truyền thông đa phương tiện của cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh tham gia truyền thông các thông điệp của Chương trình về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển đến đối tượng đích. b) Tham gia hưởng ứng chiến dịch truyền thông “Vì sức khỏe cộng đồng”. c) 100% cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn tỉnh triển khai các hoạt động truyền thông về các yếu tố nguy cơ gây bệnh, tật học đường và các biện pháp dự phòng. d) Triển khai truyền thông về tiêm chủng mở rộng và các hoạt động tiêm chủng theo hướng dẫn của Bộ Y tế. đ) 90% cán bộ làm công tác truyền thông tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và các đơn vị y tế tuyến tỉnh được nâng cao năng lực truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS và viêm gan vi rút. e) 90% cán bộ truyền thông tại Trạm Y tế xã, phường, đặc khu và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế được nâng cao năng lực truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS và viêm gan vi rút. g) 70% người dân được tuyên truyền, tiếp cận	- Nội dung 01: Truyền thông đại chúng, qua mạng xã hội, truyền thông bằng nhiều hình thức. - Nội dung 02: Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng - Nội dung 03: Tổ chức chiến dịch, sự kiện truyền thông Nội dung 04: Mô hình truyền thông - Nội dung 05: Sản xuất tài liệu truyền thông - Nội dung 06: Nghiên cứu, khảo sát - Nội dung 07: Đào tạo, nâng cao năng lực	TTKSBT	- UBND các xã, phường đặc khu; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở Công Thương; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Các Sở liên quan

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	thông tin và kiến thức về triệu chứng nghi lao, các biện pháp nâng cao sức khỏe và dự phòng bệnh lao. h) 75% Trạm Y tế xã, phường, đặc khu triển khai tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý trong gói dịch vụ y tế công cộng cơ bản theo hướng dẫn của Bộ Y tế. i) Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 80% vào năm 2030. k) 100% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 03 giảng viên cấp tỉnh được tập huấn về truyền thông nội dung dự phòng và sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung. l) 50% số xã có 02 cán bộ y tế được tập huấn về truyền thông nội dung dự phòng và sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung. m) Tỷ lệ Trạm Y tế xã có cán bộ y tế được phổ biến kiến thức thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên đề về chuyển đổi số y tế (an toàn thông tin, các nền tảng và ứng dụng số trong ngành y tế) đạt 80%.			
V.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông dân số Mục tiêu chung: Nâng cao hiệu quả truyền thông, vận động nhằm thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân về dân số, góp phần tạo môi trường thuận lợi thực hiện mục tiêu dân số và phát triển.			
2	a) 100% cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các	5.2.4.1. Xây dựng thông điệp truyền thông và sản xuất sản phẩm truyền thông	<i>Giao Phòng Dân số và Phát triển</i>	- UBND các xã, phường đặc khu;

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
	cấp được định kỳ cung cấp thông tin và tham gia truyền thông, vận động và giáo dục về dân số. b) 95% đối tượng đích (cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên, thanh niên, nam, nữ trước kết hôn, người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi) được định kỳ cung cấp thông tin, kiến thức, quy định pháp luật về dân số và phát triển. c) Hằng năm, ít nhất 75% số báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ban, ngành, đoàn thể các cấp được cập nhật, bổ sung nâng cao kiến thức, quy định pháp luật, kỹ năng truyền thông vận động về dân số; 25% cộng tác viên dân số ở thôn, bản, tổ dân phố, đơn vị sản xuất được tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng truyền thông dân số tại cộng đồng.	a) Nội dung 01: Triển khai thông điệp theo từng chủ đề: Xây dựng các bộ thông điệp theo từng chuyên đề để thực hiện mục tiêu dân số và phát triển theo từng giai đoạn. b) Nội dung 02: Triển khai, đăng tải, truyền dẫn, phát sóng, phát hành các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm và sản phẩm thông tin, truyền thông khác theo thông điệp. c) Nội dung 03: Sàng lọc, điểm tin, tổng hợp thông tin trên mạng xã hội theo mô hình dịch vụ để tổng hợp, điểm tin và đánh giá tin bài về tính xấu độc; hiểu lầm và tin đồn về chính sách dân số trên internet. 5.2.4.2. Truyền thông vận động và huy động cộng đồng a) Nội dung 01: Định kỳ cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số và phát triển tới lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên - Triển khai tài liệu chuyên đề. - Bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên về dân số và phát triển. - Tổ chức hội nghị cung cấp thông tin; các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách. c) Nội dung 02: Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chú trọng xây dựng và triển khai các phong trào, mô hình phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tế của Công an đơn vị, địa phương; phát huy vai	<i>là đầu mối, tổng hợp</i> - Phòng Dân số và Phát triển, Sở Y tế chủ trì nhiệm vụ 5.2.4.1 nội dung 01; nhiệm vụ 5.2.4.2; 5.2.4.3; 5.2.4.4; 5.2.4.5. - TTKSBT chủ trì nội dung 02, 03 nhiệm vụ 5.2.4.1.	- TTKSBT; - Các Sở, ban, ngành liên quan

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		trò của phụ nữ trong phong trào "Toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc"; Truyền thông dân số, chuyển đổi số và phát triển cơ sở dữ liệu về dân số trong Công an nhân dân, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ dân số tại y tế cơ sở, cộng tác viên dân số về kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác dân số. d) Nội dung 03: Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, chú trọng xây dựng và triển khai các phong trào, mô hình phù hợp với các đối tượng và đặc thù riêng của Quân đội. đ) Nội dung 04: Truyền thông, vận động chính sách, pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình; cư trú, biên giới phù hợp tâm lý, tập quán của đồng bào sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới. e) Nội dung 05: Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật dân số và khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý liên quan đến đối tượng đích (cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên, thanh niên, nam, nữ trước kết hôn, người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi) 5.2.4.3 Truyền thông chuyển đổi hành vi cho đối tượng đích tại cơ sở a) Nội dung 01: Truyền thông tư vấn nhóm, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ tại xã: người làm công tác y tế - dân số, cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên tổ chức các buổi nói chuyện		

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		chuyên đề hoặc sinh hoạt các câu lạc bộ cung cấp kiến thức, kỹ năng về dân số. b) Nội dung 02: Biên tập các tin, bài, đọc phát thanh các nội dung truyền thông trên loa đài phát thanh cấp xã hoặc đưa tin trên các trang mạng xã hội. Bình quân mỗi tuần phát thanh 1 tin, bài về dân số c) Nội dung 03: Tổ chức các hoạt động sự kiện, chiến dịch truyền thông nhân 02 sự kiện dân số hàng năm là ngày Dân số thế giới 11/7 và tháng hành động Quốc gia về dân số, ngày Dân số Việt Nam 26/12. 5.2.4.4. Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ dân số 5.2.4.5. Các hoạt động điều tra, khảo sát, xây dựng mô hình truyền thông mới		
V.3	Tiểu dự án 3. Giám sát, đánh giá Chương trình			
3	Thiết lập quy trình, hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình; Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.	- Nội dung 1: Thiết lập quy trình, hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. - Nội dung 02: Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, gồm: Chế độ thu thập thông tin và tổng hợp các biểu mẫu; chế độ báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. - Nội dung 03: Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các cơ quan trung ương và địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì thực hiện các hoạt động của Chương	Các phòng chức năng của Sở Y tế	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; Các Sở, ngành liên quan Các Hội, đoàn thể

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG CHỦ TRÌ	ĐƠN VỊ, PHÒNG CHỨC NĂNG PHỐI HỢP
		trình và cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình.		